

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 12/05/2020

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Dư

Ông Ngô Gia Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 2 năm 2020 về việc: Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/ QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D – sinh năm 1983; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 13, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Hiện tạm trú tại: Đội 8, thôn A, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L – sinh năm 1981; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 13, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Đỗ Thị D trình bày: chị và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại UBND xã L, huyện M, thành phố Hà Nội là quê của chị D. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng với mẹ anh L tại xóm 13, xã L, huyện K, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải

nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được mà ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu đựng được nên tháng 6 năm 2018 chị đã bỏ đi làm ăn xa và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Anh chị mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nữa nên chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung (riêng): Chị và anh L không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Chị có một con riêng cháu Đỗ Thị T sinh ngày 27 tháng 11 năm 2012. Chị sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng con riêng của mình không liên quan gì đến anh L nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh L không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn L hiện đang cư trú tại nhà mẹ đẻ của anh L bà Nguyễn Thị L tại xóm 13, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh L và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh L thông qua mẹ đẻ anh L là bà Nguyễn Thị L. Anh L không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên bà L cung cấp cho Tòa án do điều kiện công việc của anh L thất thường khi về nhà thì đã tối muộn không thể nghỉ giờ hành chính được nên anh L không thể có mặt tại Tòa án để làm việc và tham gia giải quyết vụ án được. Chị D và anh L kết hôn và về chung sống cùng bà một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và chị D đã bỏ anh L đi cuối năm 2018 cho đến nay chị cũng không về ở cùng anh L nữa. Việc anh chị ly hôn bà không can thiệp và không có ý kiến gì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vắng mặt anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn L.
- Án phí: Chị Đỗ Thị D nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị D có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn với anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại: Xóm 13, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là chị Đỗ Thị D, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại UBND xã L, huyện M, thành phố Hà Nội. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng với mẹ đẻ anh L được hơn một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, Tháng 6 năm 2018 chị D bỏ đi và vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau, không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Chị D đề nghị được ly hôn anh L, Về phía anh L mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng anh L không có bản tự khai, có ý định bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó thể hiện anh L không thiện chí cũng như không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm và về đoàn tụ.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã L xác định chị D và anh L có kết hôn hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh L tại xóm 13, xã L, huyện K. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn theo dư luận quần chúng cho rằng do anh chị luôn bất đồng quan điểm sống nên hai bên xảy ra việc cãi chửi nhau. Năm 2018 chị D đã bỏ anh L và bỏ nhà đi làm ăn xa từ đó đến nay chỉ có anh L ở quê còn chị D không về sinh sống và làm việc ở quê nữa. Nay anh chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung của chị D và anh L đã có thời gian sống ly thân nhau lâu, không có biện pháp

nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn

[3] Về con chung (riêng): Chị D và anh L không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị D có một con riêng cháu Đỗ Thị T sinh ngày 27 tháng 11 năm 2012 hiện chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng, Nay ly hôn chị D phải có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng cháu T và anh L không liên quan nên không có trách nhiệm đối với cháu T.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh L không và tài sản chung. Nay ly hôn chị D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem, xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn L được ly hôn.

2/ Về con chung (riêng): Giao cho chị Đỗ Thị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con riêng của chị D là cháu Đỗ Thị T sinh ngày 27 tháng 11 năm 2012. Anh Nguyễn Văn L không có nghĩa vụ đối với con riêng của chị D.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002281 ngày 13 tháng 2 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh